TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 05/2025/KDTM-ST
Ngày: 08/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Anh T

Ông Nguyễn Sơn H

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thanh H– Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Y- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 47/2024/TLST-KDTM ngày 10/6/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 24/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-KDTM ngày 18/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn M (gọi tắt là công ty M).

Địa chỉ trụ sở: số 2A khu 5, phường Hà Lầm, thành phố H, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Mạnh H, sinh năm 1976; chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Bùi Đình H, sinh năm 1978 (có mặt)

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1996 (có mặt)

+Ông Trương Đình T, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tầng 5 tòa nhà Chamrmvit Tower số 117 Trần Duy Hưng, phường T, quận C, Thành phố H.

(Hợp đồng ủy quyền số 85/2024/HĐUQ-MT-TRUONGTHANH ngày 17/5/2024).

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển công nghệ T (gọi tắt là công ty T)

Địa chỉ trụ sở: số 10 lô E khu đô thị mới Đ, phường Đ, quận Hoàng M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1980; chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2024 và các lời khai tiếp theo, đại diện nguyên đơn là công ty TNHH M trình bày:

Thời điểm khoảng tháng 11 năm 2020, Công ty M có giao dịch thương mại mua bán hàng hóa hình thức qua điện thoại với công ty T. Theo thỏa thuận giao dịch giữa hai bên thì công ty T mua hàng hóa là bê tông thương phẩm của công ty M, tổng khối lượng là 303m3, cụ thể là vữa M100 và bê tông thương phẩm M150. Sản phẩm hàng hóa trên để phục vụ thi công công trình Sungranda City Feria hạng mục thi công lát đá vỉa hè, lắp đặt đá bỏ vỉa khu Feria tại phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Q. Công ty M là đơn vị cung ứng hàng hóa không tham gia vào quá trình thi công, thiết kế, xây dựng tại công trình này. Giao dịch mua bán hàng hóa được thực hiện qua điện thoại giữa đại diện theo pháp luật, giám đốc của hai công ty là ông Đoàn Mạnh H và ông Nguyễn Mạnh C. Hai bên không ký hợp đồng bằng văn bản, do đó công ty M không có hợp đồng để cung cấp cho Tòa án.

Ngày 05/12/2020, công ty M giao hai chuyến hàng hóa là vữa 100 là 7m3 và vữa 100 là 5m3. Tổng thể tính đến ngày 21/4/2021 công ty M đã giao cho Công ty T 46 chuyến hàng gồm vữa M100 và bê tông thương phẩm M150. Theo giấy xác nhận khối lượng bê tông thể hiện công ty M đã bàn giao sản phẩm vữa, bê tông thương phẩm trên cho công ty T. Những người giao hàng của công ty M và những người nhận hàng của công ty T thể hiện cụ thể theo các biên bản xác nhận. Trong quá trình thực hiện mua bán hàng hóa, công ty M đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể là: Hóa đơn số 0000443 ngày 20/01/2021 là: 125.136.000 đồng; Hóa đơn số 0000453 ngày 31/01/2021 giá trị là 41.536.000 đồng; Hóa đơn số 0000481 ngày 31/3/2021, giá

trị là 53.680.000 đồng; Hóa đơn số 0000491 ngày 30/4/2021, giá trị là 39.754.000 đồng.Theo các hóa đơn GTGT xuất bán và các biên bản giao nhận vữa, bê tông thì công ty M đã bán cho công ty T tổng khối lượng hàng hóa thành tiền là 260.106.000 đồng. Công ty T đã thanh toán trả cho công ty M số tiền là 125.136.000 đồng. Như vậy, đến nay công ty T còn nợ số nợ gốc chưa thanh toán là 134.970.000 đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, công ty M và công ty T có ký hai văn bản là « Biên bản nghiệm thu giá trị bê tông hoàn thành » ngày 20/01/2021, công ty T nợ số nợ gốc là 125.136.000 đồng, «Biên bản nghiệm thu giá trị bê tông hoàn thành » ngày 30/4/2021, công ty T nợ số nợ gốc là 134.970.000 đồng. Các văn bản trên được giám đốc của hai công ty ký xác nhận, đóng dấu pháp nhân.

Quan điểm của công ty M: đề nghị công ty T thanh toán trả số nợ gốc là: 134.970.000 đồng. Đồng thời thanh toán số nợ lãi chậm trả tính từ ngày 11/5/2021 đến ngày 24/6/2024 là 134.970.000 đồng x 1140 ngày x 0.025% = 38.446.450 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi chậm trả là 173.436.450 đồng. Đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét buộc công ty T tiếp tục chịu số nợ lãi chậm trả đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc trên cho công ty M.

Bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển công nghệ T: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội đã nhiều lần báo đại diện công ty T lên làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của đại diện công ty T.

Tại phiên tòa:

*Đại diện nguyên đơn: Nguyên đơn là đơn vị cung ứng hàng hóa vữa, bê tông, không tham gia thi công, thiết kế, xây dựng phần hạng mục nào cho công trình xây dựng. Đối với lãi chậm thanh toán đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất là 09%/năm, thời điểm tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/6/2021 đến ngày 08/4/2025 là 03 năm 10 tháng (làm tròn). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc là 134.970.000 đồng, số nợ lãi chậm thanh toán là 46.564.650 đồng. Tổng cộng yêu cầu bị đơn thanh toán là đồng 181.534.650 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai có quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

-Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển công nghệ T phải thanh toán cho công ty M số nợ gốc là 134.970.000 đồng và số nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 01/6/2021 đến ngày 08/4/2025.

+ Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại. Công ty M không tham gia và quá trình thi công, thiết kế, xây dựng đối với hạng mục xây dựng của công ty T tại vị trí thi công, là bên cung ứng hàng hóa vật liệu xây dựng cho công ty T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng M, Thành phố H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy vụ án này các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định. Do đó vụ án này còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 – Luật thương mại năm 2005.

[4] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là đại diện công ty T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015.

[5] Nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng kinh tế giữa Công ty M và công ty Trường T, thừa nhận giữa hai bên không ký hợp đồng kinh tế mà giao dịch thương mại thỏa thuận bằng giao kết điện thoại, lời nói. Nguyên đơn xuất trình các tài liệu chứng cứ thể hiện việc giao dịch mua bán hàng hóa là 45 phiếu xác nhận khối lượng bê tông, 02 biên bản nghiệm giá trị bê tông hoàn thành ngày 20/01/2021 và ngày 30/4/2021, 04 hóa đơn giá trị gia tăng các ngày 20/01/2021, 31/01/2021, 31/3/2021, 30/4/2021. Xét 45 phiếu xác nhận khối lượng bê tông trên có chữ ký của bên nhận hàng (bên mua) và bên giao hàng (bên bán) là cán bộ của hai công ty, các hóa đơn giá trị gia tăng xuất bán giá trị hàng hóa và thời điểm xuất hóa đơn phù hợp với các phiếu giao hàng. Chủ thể ký Biên bản nghiệm thu giá trị bê tông hoàn thành đồng thời xác nhận công nợ là đại diện theo pháp luật của hai pháp nhân. Theo Điều 24- Luật Thương mại "Hợp đồng mua bán hàng hóa bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể". Do vậy, có căn cứ xác nhận hành vi mua bán hàng hóa vữa, bê tông thành phẩm thời điểm năm 2020 -2021 giữa công ty M và công ty T. Xét các hóa đơn giá trị gia tăng hàng hóa xuất bán tổng giá trị là 260.106.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán trả 125.136.000 đồng (thể hiện tại phiếu thanh toán chuyển khoản ngày 02/02/2021 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Quảng Ninh), còn nợ lại số tiền nợ gốc là 134.970.000 đồng. Đối chiếu với biên bản nghiệm thu giá trị bê tông hoàn thành ngày 30/4/2021 có chữ ký xác nhận đại diện theo pháp luật của hai công ty thể hiện công ty T còn nợ công ty M số tiền nợ gốc là 134.970.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của công ty M buộc công ty T phải thanh toán trả cho công ty M số tiền nợ gốc theo giao dịch mua bán hàng hóa năm 2020-2021 là 134.970.000 đồng.

[6] Về lãi suất chậm thanh toán: Xét thấy, do giao dịch mua bán hàng hóa bằng lời nói nên các bên không thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 306- Luật thương mại, bên bán là công ty M có quyền yêu cầu bên mua vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng phải có trách nhiệm trả số tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả là có căn cứ. Theo Điều 55 – Luật thương mại về thời hạn thanh toán "*Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao*

hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa". Theo phiếu giao nhận hàng hóa ngày nhận hàng cuối cùng là ngày 21/4/2021, theo biên bản nghiệm thu giá trị bê tông đồng thời xác nhận công nợ ngày thanh toán nợ cuối cùng là ngày 31/4/2021. Do đó, xác định theo hợp đồng trên ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán của công ty Trường Thành là sau ngày 31/4/2021 và ngày tính thời gian chậm trả. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả từ ngày 01/6/2021. Xét yêu cầu trên có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian chậm trả tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 năm 10 tháng (làm tròn).

Về lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường: Theo tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng Vietcombank, Agribank, Vietinbank là 10%/năm. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 09%/năm, thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường như trên. Yêu cầu của công ty M là tự nguyện, có căn cứ và làm lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi chậm thanh toán buộc bị đơn là công ty T phải thanh toán cho nguyên đơn là công ty M đối với giao dịch mua bán hàng hóa năm 2020- 2021 (tính đến ngày 08/4/2025) cụ thể như sau: 134.970.000 đồng x 09%/năm x 03 năm 10 tháng = 46.564.650 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm.

[8] Về bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng: nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với bị đơn là công ty T: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu chứng minh nào khác. Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp các tài liệu chứng cứ đề giải quyết vụ án do đó Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai căn cứ các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty M, buộc công ty T phải thanh toán trả nợ cho công ty M theo giao dịch mua bán hàng hóa vữa, bê tông thành phẩm năm 2020-2021 như sau: số nợ gốc

là 134.970.000 đồng; nợ lãi chậm thanh toán (tính đến ngày 08/4/2025) là 46.564.650 đồng.Tổng cộng công ty T phải thanh toán trả cho công ty M là 181.534.650 đồng.

[11] Về án phí: Yêu cầu của công ty M được chấp nhận, do vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty Trường Thành phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.076.732 đồng.

[12]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Các Điều 117, 357, 440, 468 - Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các Điều 24, 50, 55, 306, 319 - Luật thương mại năm 2005.

- Khoản 4 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Điều 26 - Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH M đối với công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển công nghệ T.

2/ Buộc công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển công nghệ T phải thanh toán nợ cho công ty TNHH M theo giao dịch mua bán hàng hóa vữa, bê tông thành phẩm năm 2020-2021 (tính đến ngày 08/4/2025) như sau: số nợ gốc là 134.970.000 đồng; nợ lãi chậm thanh toán là 46.564.650 đồng. Tổng cộng, công ty T phải thanh toán cho công ty M là 181.534.650 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm

thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468-Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

- Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển công nghệ T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.076.732 đồng.

- Công ty TNHH M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0033872 ngày 10/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng M, Thành phố H.

4/ Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển công nghệ T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Lưu HSVA, VP.

Trần Thị Thu H

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 03 tháng 12 năm 2019

Tại phòng nghị án trụ sở TAND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Đãng

Ông Nguyễn Đình Thọ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/KDTM-ST ngày 16/01/2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)**

Trụ sở chính: số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Toàn - SN 1971; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thùy - SN 1985

Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ khu vực - Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP Á Châu

(Giấy ủy quyền số 838/UQ-QLN.18 ngày 08/8/2018)

Người được ủy quyền lại: Ông Ngiêm An Việt - SN 1995

Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Á Châu

(Giấy ủy quyền số 493/UQ-CNT.19 ngày 08/5/2019)

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH Đại Phú Vinh**

Trụ sở chính: số nhà B11, Khu tập thể cán bộ quản lý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thảo - SN 1979

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Biên - SN 1974

ĐKHKTT+nơi cư trú: số 15, ngõ Gia Tụ B, Ngõ Chợ Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1/ Ông Ngô Phạm Tranh - SN 1952

2/ Bà Vũ Thị Hưng - SN 1958

3/ Anh Ngô Phạm Đấu - SN 1983

4/ Chị Trần Thị Phương Thúy - SN 1983

5/ Chị Ngô Thị Anh - SN 1991

Cùng cư trú tại: xóm 1, thôn Đức Nhuận, xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

6/ Chị Ngô Thị Quế - SN 1981

Cư trú tại: số nhà B11, Khu tập thể cán bộ quản lý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định khác của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ NHƯ SAU:

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết các vấn đề của vụ án như sau:

I/ Về thẩm quyền: áp dụngđiểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

II/ Về thời hiệu khởi kiện: áp dụng khoản 1 Điều 184; Điều 185 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 159 - Bộ luật dân sự 2005: vụ án này vẫn còn thời hiệu khởi kiện

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 =100 %

III/Về quan hệ pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 30 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 =100 %

IV/ Về nội dung tranh chấp: áp dụng các Điều 342, 348, 351, 355, 471, 474, 715, 717, 718, 719, 720, 721 - Bộ luật dân sự 2005; các Điều 51, 56, 58, 59, 60 - Luật các Tổ chức tín dụng

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á Châu đối với Công ty TNHH Đại Phú Vinh.

2/ Buộc Công ty TNHH Đại Phú Vinh phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số DGI.DN.01160513 ký ngày 28/5/2013 như sau:

- Tiền nợ gốc: 350.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 7.393.375 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 322.946.688 đồng

Tổng cộng là 680.340.063 đồng.

* Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Đại Phú Vinh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ Trường hợp Công ty TNHH Đại Phú Vinh không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Á Châu có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số thửa số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 632m2 tại thôn Đức Nhuận, xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã được UBND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 625361 ngày 20/9/2010 mang tên ông Ngô Phạm Tranh và bà Vũ Thị Hưng, được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: HUY.BĐDN0229311 ngày 29/3/201, số công chứng 188 Quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 2 - tỉnh Hưng Yên .

4/ Ông Nguyễn Văn Thảo bà Ngô Thị Quế có trách nhiệm dùng mọi tài sản cá nhân để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu khi Công ty TNHH Đại Phú Vinh không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

V/ Về án phí: áp dụng khoản 1 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Công ty TNHH Đại Phú Vinh phải chịu 31.213.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng TMCP Á Châu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 10.500.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2012/08694 ngày 11/01/2018 tại cơ quan Thi hành án dân sự Thanh Trì.

VI/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Á Châu, ông Ngô Phạm Tranh, anh Ngô Phạm Đấu có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH Đại Phú Vinh, bà Vũ Thị Hưng, chị Trần Thị Phương Thúy, chị Ngô Thị Anh, chị Ngô Thị Quế có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

VII/ Về việc thi hành án: áp dụng Điều 26 - Luật Thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 50 phút, ngày 03 tháng 12 năm 2019

Biên bản nghị án đã đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**